



SỰ CHUYỂN NGHĨA ĐIỂN ĐẠT MỨC ĐỘ CỰC CẤP HOẠT ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI DƯỚI GÓC NHÌN TRI NHẬN

Võ Thị Ngọc Hoa*

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam

Tóm tắt. Các kết cấu mang nghĩa chuyển chỉ mức độ cực cấp hoạt động của con người trong tiếng Việt rất phong phú. Nhờ có nhiều miền nguồn tham gia biểu thị mức độ cực cấp hoạt động của con người nên tiếng Việt có khả năng diễn đạt chính xác mức độ cực cấp từng sắc thái nghĩa của cùng một hoạt động. Chính vì vậy, bài viết nghiên cứu nghĩa chuyển chỉ mức độ cực cấp hoạt động của con người không chỉ làm rõ khả năng diễn đạt mức độ đánh giá cực cấp hoạt động của con người trong tiếng Việt mà còn làm rõ mối quan hệ giữa con người và ngôn ngữ qua một số đặc điểm tri nhận, đặc điểm văn hóa – xã hội của người Việt.

Từ khóa: *chuyển nghĩa, mức cực cấp, ánh xạ, miền nguồn, miền đích.*

1. Đặt vấn đề

Một trong những vấn đề mà ngôn ngữ học tri nhận quan tâm đến là xem xét nghĩa trong mối quan hệ nhận thức của con người. Với quan niệm này, nghĩa được xem là ý niệm, gắn với quá trình ý niệm hóa, còn nghĩa chuyển là kết quả của sự phóng chiếu từ miền ý niệm này sang miền ý niệm khác, cũng gắn với quá trình ý niệm hóa. Bài viết vận dụng lý thuyết phạm trù hóa, tính nghiệm thân và mô hình ánh xạ để phân tích quá trình hình thành nghĩa chuyển trong các kết cấu biểu thị mức cực cấp hoạt động con người. Qua đó phân tích, khám phá mối quan hệ giữa ngôn ngữ và con người. Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ hơn diện mạo của nhóm kết cấu chỉ mức độ cực cấp hoạt động của con người đồng thời đưa ra một số gợi ý trong việc nghiên cứu hiện tượng chuyển nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Mức độ trên thang độ và tiêu chí nhận diện các mức độ

*Liên hệ: ngochoadhpy@gmail.com

Nhận bài: 11-11-2019; Hoàn thành phản biện: 25-06-2020; Ngày nhận đăng: 10-08-2020

Mức độ là mức trên thang độ, được xác định đại khái [7, tr. 826]. Phạm Hùng Dũng cho rằng “Thang độ luôn luôn bắt đầu từ một mức/điểm gốc là (0) đến mức/điểm đỉnh tột cùng và có thể là vô cực... Hay nói rõ hơn, là tập hợp các giá trị/mức độ, gọi chung là mức độ, được xếp theo một hướng tăng dần từ mức độ thấp nhất, gọi là điểm gốc 0, đến mức cao nhất, có thể là vô cực để biểu thị dải mức độ về một phạm trù nào đó, như độ cao, độ sâu, trọng lượng, số lượng, màu sắc, giá trị [1, tr. 38].

Về việc nhận diện, phân loại các mức độ trên thang độ tiếng Việt, nhìn từ góc độ ngôn ngữ học cấu trúc, các nhà nghiên cứu Việt ngữ thường phân chia các mức độ trên thang độ thành ba bậc: nguyên cấp (positive), so sánh (comparative) và cực cấp (superlative) và xem xét các yếu tố biểu thị mức độ qua cơ chế láy (đối với từ láy) hoặc ghép (đối với ngữ ghép) hoặc dựa theo khả năng kết hợp của chúng với các đơn vị từ ngữ khác trên trục ngữ đoạn (đối với vị từ có khả năng hoặc không có khả năng kết hợp với phụ từ chỉ mức độ). Nhìn từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận, theo nguồn tư liệu chúng tôi thu thập được, vẫn chưa thấy bài viết, chuyên khảo nào đưa ra định nghĩa, đặc điểm, tiêu chí phân loại mức độ trên thang độ tiếng Việt và nghiên cứu từ ngữ chỉ mức độ theo hướng tiếp cận này nên hiện còn là một khoảng trống rộng. Với phạm vi khảo cứu của bài viết là các kết cấu mang nghĩa chuyển chỉ mức cực cấp hoạt động của con người, chúng tôi hiểu cực cấp là ý nghĩa gắn với mức độ cao nhất của tính chất, trạng thái. Các yếu tố chuyển nghĩa biểu thị ý nghĩa cực cấp không có khả năng kết hợp các phụ từ chỉ mức độ cao (*lắm, quá, rất, thậm,...*), cũng không có khả năng kết hợp với các phụ từ chỉ mức cực cấp (*chỉ, chúa, tôi, tuyệt, siêu,...*). Ví dụ: *ăn quá trời/quá sá, làm học gạch, nói không để miệng dâm da non.*

Để tiện việc hệ thống các ý niệm đích chỉ mức độ cực cấp hoạt động, chúng tôi định ra các tiêu chí nhận diện mức độ cực cấp như sau:

- Dựa vào khả năng kết hợp: có khả năng hoặc không kết hợp với các phụ từ chỉ mức độ (theo trục ngữ đoạn)
- Dựa vào hình thức cấu trúc của biểu thức biểu thị mức độ
- Dựa vào kinh nghiệm của người sử dụng ngôn ngữ

Căn cứ các tiêu chí phân loại trên, chúng tôi thu thập được 189 kết cấu diễn đạt mức độ cực cấp các loại hoạt động của con người, gồm: ăn uống, di chuyển, nói năng, khóc cười, nhận thức, ứng xử, giải trí,... từ Từ điển Tiếng Việt – do Hoàng Phê chủ biên; Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Nam trong hành chức; Từ điển từ ngữ Nam bộ; một số truyện ngắn, tiểu thuyết Việt Nam đương đại. Cụ thể:

Hoạt động ăn uống:

Ăn (nhiều): *ăn như xáng múc, tẹt ga, thả cửa, ngập mặt, ngập bàn họng, ăn lòi bàn họng, ăn mệt xỉu, ăn lòi chành.*

Uống (bia, rượu): uống như *hũ chìm*, uống như *rồng bắt nước*.

Hoạt động nói năng:

+ Nói không được: *ngay họng*, *ngậm họng*, *tắt đài*, *tắt vô lim*.

+ Nói rõ ràng: nói *trắng ra*, nói *toạc móng heo*.

+ Nói quá sự thật: nói *sanh từ*, nói *phong thần*, *chém gió*, nói *dóc chó*, *dóc chúa*, *dóc cùng mình*, *dóc tổ*, *dóc tía*, nói *cố mạng*, nói *cố họng*, nói như *thánh phán*, nói *trời nói đất*, nói *phét như trượng*, nói *thiên binh vạn tướng*, nói *thánh nói tướng/nói thánh tướng*, nói *thánh nói thần*.

+ Nói nhiều: *rã bọt mép*, *rã họng*, *rát họng*, *gãy lưỡi*, *queo lưỡi*, *khô bọt mép*, *lòi bản họng*, *khô bọt nước*, *rát cổ*, nói như *khướu hót*, nói như *thìa lia*, nói *không để miệng làm da non/nói không để miệng đâm da non*, nói *nát nước*.

+ Nói bừa bãi, không kể lí lẽ: nói *xóc hông*, *xóc óc*, nói *móc họng*, nói *chỏi họng*, nói/cãi *chày nói cối*, *phang ngang bữa củi*.

+ Nói không chính xác: nói *hươu nói vượn*, nói *rồng nói rắn*.

+ Nói một cách chắc chắn, chính xác: nói như *mọi thắt gút*, nói như *rựa chém đá*.

Nói khó nghe: nói *chát chúa*, *chua lè*, *chua chát*, *chua lòm*, nói như *dùi đục chấm mắm cáy*, nói *xăng*, nói *mặn xăng*, *lạnh tanh*.

+ Nói dễ nghe: nói như *rót mật vào tai*, nói *ngọt lọt đến xương*, *ngọt như mía lùi*, *ngọt lịm*.

+ Thốt ra những lời xúc phạm: *chửi như tát nước vào mặt*, nói như *đổ mề vào mặt*, nói như *chan tương đổ mề*, *chửi tắt bếp*, *chửi tưới hột sen*, *chửi không kịp vuốt mặt*.

Hoạt động khóc, cười:

Hoạt động cười (trạng thái to, nhiều): cười *đau cả mề*, cười *vãi đá*, cười *híp mắt*, cười *giòn*, như *chắc nẻ*, như *bấp rang*, như *đuôi uoi*, cười *ngiêng ngá*, cười như *địa chủ được mùa*, cười *võ bụng / bẻ bụng*, cười *nổ ruột*.

Hoạt động khóc (ở trạng thái to, nhiều, kéo dài hoặc sợ hãi): khóc như *mưa*, khóc như *ri*, khóc như *cha chết*, khóc *hết nước mắt*, khóc *no*, khóc *ngày* khóc *đêm*.

Hoạt động di chuyển (chạy tốc độ nhanh): như *bay*, như *điên*, *đút hơi*, *hụt hơi*, *bể hơi tai*, *thụt mạng*, *mất dép*, *xịt khói*, *té khói*, *bán mạng*, *bay tóc gáy*, *long tóc gáy*, *hộc xì đầu*, *ba chân bốn cẳng*, như *chó phải pháo*, chạy *rồng Bái Công*, *bán sống bán chết*, chạy như *cò lông công*, chạy như *con thoi*, chạy như *ma đuổi*, chạy như *ngựa tể*, chạy như *ngựa vía*.

Hoạt động làm:

+ Tốc độ nhanh: *cái rẹt, cái rụp, trong nháy mắt, một nốt nhạc, nửa nốt nhạc, nháy một cái, cái rột, cái vụt, như ăn gỏi, rẹt rẹt.*

+ Tốc độ chậm: *làm như lục bình trôi, chậm như bà già đi âm phủ, như rùa.*

+ Số lượng công việc quá nhiều, quá sức: *bòm đầu, bỏ xác, đổ mồ hôi hột, ề cổ, ề lưng, ề sức, lên bờ xuống ruộng, đầu tắt mặt tối, té khói, xịt khói, té hen, sút xương hom, sút mồ hôi hột, sần đầu, sần lưng, sần mình, làm như trâu, sói đầu, xù đầu, ngập đầu, bù đầu, vùi đầu, đổ mồ hôi sôi nước mắt, ngập mặt, tối mặt, hết xí quách, hết hơi, hộc máu, hộc gạch, hộc nước tương, hộc xì đầu, lò con trê, lòi mắt ếch, lòi ngạnh trê, hết cỡ.*

Hoạt động giải trí: (chơi) *đã đời, líp ba ga, líp ga, hết ga, tẹt ga, tới bến, mát trời ông địa, mát mùa.*

Hoạt động nhận thức: (suy nghĩ) *long óc, nát nước, nát óc; (dốt) đặc cán mai, bù trất ống vôi; (hiểu biết) rành sáu câu.*

Ở mỗi kết cấu trên đều có ít nhất một ý niệm là miền đích chỉ mức độ cực cấp cho trạng thái hoạt động của con người (các trường hợp in nghiêng). Miền đích chỉ mức độ đó được hình thành nhờ cơ chế ánh xạ từ các miền nguồn sau:

Miền nguồn		Tần số xuất hiện trong miền đích chỉ mức cực cấp hoạt động của con người								
		Ăn uống	Nói	Cười	Chạy	Khóc	Làm	Giải trí	Nhận thức	Ứng xử
Bộ phận cơ thể người	Đầu						7			1
	Óc		1						2	
	Mặt	1	2				3			
	Mắt			2			1			
	Cổ		1				1			
	Họng	2	8							
	Miệng / mồm	1	1							
	Lưỡi		2							
	Lung						2			
	Tóc					2				
	Hơi thở					3		1		
	Xương							3		
	Thân xác/mạng		1			2		1		
	Trạng thái sinh lý, hành động, cảm	Muốn chết	1	1	1	1	1	1	1	
	Muốn xiu, mệt xiu	1	1	1	1	1	1	1		

giác của con người	Chua		4						
	Ngọt		4						
	Mặn, xắt		3						
Hiện tượng thiên nhiên	Gió		1		1				
	Nước		1					1	
	Ruộng đất					1			1
Động vật	Chó		1				1		
	Ngựa				2				
Thực phẩm	Xi dầu / nước tương		1		1		2		1
	Tương		2						
Vật dụng	Đài, bộ phận của đài		2						
	Phương tiện đi lại				2		2	4	
	Nhà cửa		2						
Âm thanh	Nốt nhạc						2		
	Cái rụp, cái rột, rẹt						2		
Thời gian	Ngày đêm		1			1			
	Đời	1	1	1	1	1	1	1	
Con người trong quan hệ gia đình, văn hóa – xã hội	Quan hệ gia đình (bố / tia, con gái – nhà chồng)		1			2			
	Quan hệ xã hội (tướng, chúa, trạng, địa chủ, thánh thần, ông địa...)		2	1				2	

Kết quả thống kê cho thấy những miền nguồn tham gia ánh xạ sang miền đích chỉ mức cực cấp hoạt động của con người rất cụ thể, trực quan, quen thuộc, gần gũi và có liên quan đến đời sống hàng ngày của con người mà cộng đồng bản ngữ có thể nhìn thấy hoặc cảm nhận được, từ đó, có những hiểu biết về chúng. Nhờ có những hiểu biết đó mà con người có thể liên hệ đến tính tương tự, tính tương quan giữa đặc tính của các sự vật hiện tượng tri nhận được với mức độ cực cấp từng loại hoạt động của con người. Các ý niệm nguồn này không chỉ giúp tiếng

Việt có khả năng diễn đạt chính xác, cụ thể mức độ cực cấp từng loại hoạt động của con người mà còn phản ánh đặc điểm tri nhận, đặc điểm văn hóa – xã hội của cộng đồng bản ngữ.

Đặc điểm tri nhận của người Việt thể hiện ở chỗ tri nhận theo kiểu trực quan, cảm tính. Những thực thể nào gần gũi, có tác động, ảnh hưởng nhiều đến chủ thể tri nhận thì sẽ là những ý niệm nguồn có tần số xuất hiện nhiều hơn. Trong phạm vi các miền nguồn mà bài viết thu thập được, thì miền nguồn liên quan đến con người, gồm các bộ phận cơ thể người, trạng thái sinh lý, hành động, cảm giác của con người có số lượng và số lần xuất hiện cao nhất, với 21/39 yếu tố tham gia, chiếm 54 % và 106/156 lần xuất hiện, chiếm 68 %.

Đặc điểm văn hóa – xã hội của người Việt được thể hiện trong các kết cấu diễn đạt mức hoạt động của con người, đó là hình ảnh con trâu, ruộng, mai, rựa “*lên bờ xuống ruộng, làm như lục bình trôi, làm như trâu, đốt đặc cán mai, nói như rựa chém đá*” thuộc đặc điểm văn hóa nông nghiệp, được dùng để biểu trưng cho mức độ làm việc, nói năng, nhận thức của người Việt (mức cực cấp). Đó là hình ảnh các loại thực phẩm được chế biến từ các sản vật của nền nông nghiệp như xì dầu, tương, mè “*nói như đổ mè vào mặt, nói như chan tương đổ mè, hắc xì dầu, chạy hộc xì dầu*” được chọn để biểu trưng cho mức độ hoạt động nói năng, chạy nhảy, làm việc của con người (mức cực cấp).

Nhờ có nhiều ý niệm nguồn tham gia biểu thị mức độ cực cấp hoạt động của con người nên các ý niệm thuộc miền đích chỉ mức độ đánh giá cực cấp trong tiếng Việt có khả năng diễn đạt chính xác, chi tiết từng sắc thái nghĩa của cùng một hoạt động. Chẳng hạn, cùng chỉ mức độ cực cấp hoạt động chạy ở tốc độ nhanh, tiếng Việt có kết cấu “*chạy mất dép, chạy như bay, chạy như ngựa tề*” chỉ tốc độ chạy cực nhanh, “*chạy như ma đuổi*” chỉ tốc độ chạy nhanh kèm theo trạng thái hoảng sợ; “*chạy như con thoi*” chỉ trạng thái chạy đi chạy lại thoăn thoắt; “*chạy như diên*” chỉ mức độ chạy nhanh kèm theo trạng thái của người chạy là bất định phương hướng, không biết mình chạy đi đâu. Cùng chỉ mức độ cực cấp hoạt động nói năng, các kết cấu “*nói như thia lia, nói như khướu hót*” chỉ mức độ nói nhiều; “*nói gãy lưỡi, nói rã bọt mép, khô bọt mép, khô bọt nước, rát cổ*” chỉ hành động nài ni liên tục.

2.2. Cơ sở hình thành nghĩa chuyển diễn đạt mức độ cực cấp hoạt động của con người

Ngôn ngữ học tri nhận quan niệm chuyển nghĩa của từ không chỉ là sự thay đổi tên gọi một cách đơn thuần mà còn là hiện tượng mang tính ý niệm, gắn với quá trình ý niệm hóa, là sự phóng chiếu từ miền ý niệm này sang miền ý niệm khác. Con người có thể tạo ra các ý niệm nhờ vào khả năng ý niệm hóa. Quá trình ý niệm hóa dựa trên cơ sở nghiệm thân. Từ thực tế trải nghiệm của con người khi tương tác chính cơ thể của mình, với môi trường vật chất xung quanh và với môi trường xã hội - văn hóa, kinh nghiệm được tích tụ dần trong tâm thức của cộng đồng diễn ngôn. Kinh nghiệm có vai trò rất quan trọng trong việc kích hoạt các liên tưởng

ngầm dựa trên mối liên hệ tương tự hoặc tương quan từ các kinh nghiệm ở trí não con người sang một miền khác, tạo ra các mô hình ánh xạ.

2.2.1 Dựa vào kinh nghiệm về tính tương tự giữa đặc tính của sự vật, hiện tượng mà con người tri nhận được với ý nghĩa cực cấp về các loại hoạt động của con người:

- Dựa vào kinh nghiệm về sự tương tự giữa hình thức vật chứa với nội dung được chứa: Theo kinh nghiệm của người Việt, ngôn ngữ được hình dung là một vật chứa. Khi vật chứa (hình thức cấu trúc) thay đổi thì ắt hẳn vật được chứa (nội dung) cũng thay đổi theo, hay nói cách khác, sự “mở rộng” hình thức cấu trúc sẽ làm cho nghĩa của phần trung tâm được mở rộng hơn. Tiếng Việt có một số kết cấu mang nghĩa chuyển chỉ mức độ cao “mở rộng” thêm hình thức cấu trúc để chỉ mức cực cấp theo mô hình tri nhận CÀNG NHIỀU HÌNH THỨC CÀNG NHIỀU NỘI DUNG“ (*nói*) *mỏi mồm* > (*nói*) *mỏi mồm* *mỏi miệng*, (*làm*) *bù đầu* > *bù đầu bù cổ*, *cắt cổ* > *cắt cổ cắt họng*, (*tiếc*) *đứt ruột* > (*tiếc*) *đứt ruột đứt gan*, *mát trời* > *mát trời ông địa/mát trời quê hương*”.

- Dựa vào kinh nghiệm về tính tương tự giữa hoạt động của con người, loài vật, hiện tượng tự nhiên, vật dụng với mức độ cực cấp hoạt động của con người: Tiếng Việt có một số biểu thức được hình thành theo mô hình tri nhận MỨC ĐỘ CỰC CẤP HOẠT ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI LÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘNG, THỰC VẬT “*nói như rồng leo, nói như rựa chém đá; làm như mèo mửa; uống như rồng bắt nước, cười như địa chủ được mùa, cười như đuôi uoi, chạy như chó phải pháo, chạy như ngựa vía, ăn như ăn gỏi, làm như lục bình trôi*”.

- Dựa vào kinh nghiệm về tính tương tự giữa đặc tính mùi vị với cảm nhận mức độ hoạt động nghe, nói, cười của con người với mức độ cực cấp hoạt động của con người: Tiếng Việt có một số biểu thức hình dựa trên mô hình thành tri nhận MỨC ĐỘ CỰC CẤP HOẠT ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI LÀ MỨC ĐỘ VỊ GIÁC MÀ CON NGƯỜI CẢM NHẬN ĐƯỢC: “*nói chát chúa, chua lè, chua chát, chua lòm, nói như dùi đục chấm mắm cáy, nói xằng, nói mặn xằng, lạnh tanh, nhát gừng, nói như rót mật vào tai, nói ngọt lọt đến xương, ngọt, như mía lùi, ngọt lịm*”.

- Dựa vào kinh nghiệm về tính tương tự giữa tốc độ âm thanh với thời gian hoàn thành công việc: Tiếng Việt có một số biểu thức hình thành dựa trên mô hình tri nhận MỨC ĐỘ CỰC CẤP HOẠT ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI LÀ TỐC ĐỘ ÂM THANH: “(*làm*) *cái rẹt, cái rụp, một nốt nhạc, nửa nốt nhạc, cái rộn, cái vụt, rẹt rẹt*”.

- Dựa vào kinh nghiệm về tính tương tự giữa đặc điểm văn hóa – xã hội với mức độ cực cấp hoạt động của con người, tiếng Việt có một số biểu thức hình thành theo mô hình tri nhận MỨC ĐỘ CỰC CẤP HOẠT ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI LÀ MỨC ĐỘ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NHÂN VẬT CÓ TÀI NĂNG ĐẶC BIỆT: “*nói như thánh phán, nói thánh nói tướng, nói thần nói thánh, nói phét như trạn*”.

2.2.2. Dựa vào kinh nghiệm về tính tương quan giữa đặc tính của sự vật, hiện tượng mà con người nhận biết được ứng với ý nghĩa cực cấp về các loại hoạt động của con người:

- Dựa vào kinh nghiệm về tính tương quan giữa hoạt động của con người với các phản ứng sinh lý khi con người thực hiện các hành động đó: “*Chạy hụt hơi, chạy đứt hơi, chạy bỏ hơi tai*” diễn đạt mức độ chạy rất nhanh do chủ thể thực hiện hoạt động chạy với tần suất vận động nhiều, với tốc độ nhanh thì cơ thể của chính chủ thể hoạt động đó sẽ xảy ra phản ứng sinh lý như trọng lực cơ thể dồn xuống hai chân làm lượng lớn máu tích tụ tại tĩnh mạch ở chân. Do vậy, lượng máu về tim rất thấp, máu lưu thông lên não ít nên lượng oxy cung cấp lên não thiếu, gây triệu chứng ù tai, tạo cảm giác như bị hụt hơi. Từ trải nghiệm nghiệm thân đó, người Việt chọn phản ứng sinh lý “hụt hơi, bỏ hơi tai” để diễn đạt mức độ chạy rất nhanh (mức cực cấp). “*Chạy bay tóc, chạy bay tóc gáy*” xuất phát từ hiểu biết của người Việt về hình dạng của tóc như không giữ nguyên nếp, bị rối vì gió khi con người thực hiện hoạt động chạy ở tốc độ nhanh. Từ trải nghiệm nghiệm thân đó, người Việt lấy trạng thái của tóc khi chủ thể thực hiện hoạt động chạy để biểu thị mức độ cực cấp hoạt động chạy nhanh. Hoặc “*chạy như bay*” xuất phát từ sự hiểu biết của người Việt về tốc độ của hoạt động bay di chuyển rất nhanh, nên dùng đặc tính này để diễn đạt mức độ cực cấp của hoạt động chạy nhanh. Trong tiểu phạm trù hoạt động nói, kết cấu “*khô bọt mép*” hình thành dựa trên hiểu biết của người Việt về phản ứng sinh lý là khi nói nhiều, khẩu hình miệng mở ra liên tục, không khí tràn vào làm khô nước bọt mà cơ thể sản xuất ra để giữ ẩm miệng. Hoặc kết cấu “*rát miệng rát mồm, gãy lưỡi, nói không để miệng làm da non/nói không để miệng dâm da non*” chỉ mức độ nói rất nhiều (cực cấp) xuất phát từ hiểu biết về mối tương quan giữa bộ phận miệng, lưỡi và chức năng của các bộ phận này. Khi các bộ phận cơ thể miệng, họng hoạt động quá mức thì có thể dẫn đến tổn thương như “*rát, gãy, lở loét*”. Các biểu thức trên hình thành theo mô hình tri nhận của người Việt: MỨC ĐỘ CỰC CẤP HOẠT ĐỘNG CON NGƯỜI LÀ SỰ BIỂU HIỆN CÁC TRẠNG THÁI SINH LÝ CON NGƯỜI.

- Dựa vào kinh nghiệm về tính tương quan giữa hoạt động của con người với những thuộc tính vật lý biểu hiện khi con người thực hiện các hoạt động đó: “*Cười vỡ bụng / bể bụng, nổ ruột*” diễn đạt trạng thái cười là do người Việt xem ruột, bụng là bộ phận rỗng nên liên tưởng đến việc khi cười nhiều, lượng không khí đưa vào bụng, ruột nhiều, có thể gây nổ, bể. Những ý niệm nguồn được lựa chọn diễn đạt mức độ cực cấp hoạt động cười theo mô hình tri nhận: TRẠNG THÁI VẬT LÝ ĐẠI DIỆN CHO MỨC ĐỘ CỰC CẤP HOẠT ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI. Như vậy, các ý niệm đích diễn đạt mức cực cấp hoạt động của con người đều hình thành từ kinh nghiệm của cộng đồng bản ngữ. Điều này thể hiện rõ nghĩa chuyển không tồn tại khách quan ngoài tư duy, mà chúng hình thành từ quá trình tương tác, trải nghiệm nghiệm thân bằng chính cơ thể của các chủ thể tri nhận (nghiệm thân sinh lý), với môi trường tự nhiên, với môi trường văn hóa – xã hội và với chính tiếng mẹ đẻ, phương tiện giao tiếp hàng ngày của người Việt.

3. Kết luận

Bài viết trình bày sự chuyển nghĩa diễn đạt mức cực cấp hoạt động của con người qua nguồn ngữ liệu tiếng Việt. Kết quả nghiên cứu cho thấy các kết cấu mang nghĩa chuyển diễn đạt mức cực cấp hoạt động của con người xuất hiện nhiều, nhờ đó, làm cho tiếng Việt có khả năng diễn đạt chính xác mức cực cấp của từng hoạt động cụ thể. Kết quả khảo sát trên còn cho thấy tất cả nghĩa chuyển diễn đạt mức cực cấp hoạt động của con người đều hình thành từ kinh nghiệm của cộng đồng bản ngữ qua quá trình tương tác của chính cơ thể của các chủ thể tri nhận với môi trường tự nhiên, môi trường văn hóa – xã hội,... Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cho thấy hướng nghiên cứu nghĩa chuyển theo quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận là đúng đắn vì đã chỉ ra được điểm mấu chốt để giải quyết rốt ráo vấn đề chuyển nghĩa đó là yếu tố kinh nghiệm của cộng đồng ngôn ngữ. Nhờ có kinh nghiệm mà nghĩa chuyển hình thành và cũng phải thông qua kinh nghiệm mà chúng ta mới hiểu thấu đáo các kết cấu mang nghĩa chuyển diễn đạt mức cực cấp hoạt động của con người trong hoạt động giao tiếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Hùng Dũng (2012), *Các phương tiện thể hiện ý nghĩa “cực cấp” trong tiếng Việt (có so sánh với tiếng Anh)*, Luận án tiến sĩ.
2. Ngô Thị Huệ (2014), *Tính phổ biến của phương thức lặp trong loại hình ngôn ngữ dưới góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận*, Tạp chí Ngôn ngữ số 8.
3. Đỗ Thị Kim Liên (2015), *Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Nam trong hành chức*, NXB Khoa học xã hội.
4. Trịnh Sâm (2015), *Hình thức và nội dung nhìn từ tri nhận luận*, Tạp chí Ngôn ngữ số 7.
5. Lê Quang Thiêm (2013), *Ngữ nghĩa học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
6. Huỳnh Công Tín (2007), *Từ điển từ ngữ Nam bộ*, NXB khoa học Xã hội.
7. Viện Ngôn ngữ Việt Nam (2016), *Từ điển Tiếng Việt - Hoàng Phê chủ biên*, NXB Hồng Đức.
8. G. Lakoff, M. Johnson (1980), *Metaphors We Live By*, Chicago: The University of Chicago Press.
9. L. Cadière (1958), *Syntaxe de la langue vietnamienne*, Paris: École française D'extrême-Orient.

MEANING CHANGE EXPRESSING THE EXTREME LEVEL OF HUMAN ACTIVITIES IN THE COGNITIVE PERSPECTIVES

Vo Thi Ngoc Hoa*

College of Sciences, Hue University, 77 Nguyen Hue St., Hue, Vietnam

Abstracts. The structures containing transitional meanings and indicating the extreme level of human activities in the Vietnamese language are abundant. Thanks to many source domains participating in the indication of the extreme level of human activities, Vietnamese can express accurately the extreme level of each nuanced meaning of the same activity. Therefore, this article, focusing on the meaning transformation that shows the extreme assessment level of human activities, not only clarifies the ability to express the assessment levels of human activity in Vietnamese but also explains the relationship between humans and language via some cognitive and socio-cultural characteristics of the Vietnamese people.

Keywords: meaning change, extreme level, mapping, source domain, target domain.